

## KẾT QUẢ TUYỂN CHỌN GIỐNG HOA ĐỒNG TIỀN TẠI MIỀN TRUNG, VIỆT NAM

Đặng Văn Đông<sup>1</sup>, Mai Thị Ngoan<sup>1</sup>

### TÓM TẮT

Hoa đồng tiền (*Gerbera*) là một trong 10 loài hoa được sử dụng nhiều nhất trên thế giới, với đặc điểm là cây lưu niên có hoa quanh năm và màu sắc đa dạng. Từ năm 2011 Viện Nghiên cứu Rau quả đã nghiên cứu và tuyển chọn được 2 giống hoa đồng tiền G12 và G19 sinh trưởng phát triển khỏe, có khả năng chịu nhiệt, phù hợp với điều kiện sinh thái các tỉnh miền Trung. (Sau trồng 3 tháng cây bắt đầu cho thu hoạch hoa. Chiều dài cành hoa > 60 cm, tỷ lệ cây hoa hữu hiệu >90%). 2 giống hoa đồng tiền này có năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao, hoa bền, đẹp, hình thái và kiểu dáng hoa cân đối, được người tiêu dùng ưa chuộng.

*Từ khóa:* Hoa đồng tiền, G12, G19, sinh trưởng, phát triển, miền Trung.

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm qua, những giống đồng tiền từ Hà Lan, Trung Quốc được nhập về trồng tại Việt Nam, kết quả cho thấy nhiều giống đã phát huy những ưu điểm nổi trội nhưng cũng có một số giống không phù hợp với điều kiện khí hậu Việt Nam, do vậy năng suất, chất lượng hoa kém gây thiệt hại cho người sản xuất. Mặt khác, điều kiện khí hậu Việt Nam ở mỗi vùng lại khác nhau nên việc chọn tạo giống cây trồng, đặc biệt là giống có khả năng sinh trưởng, phát triển tốt, năng suất chất lượng hoa cao, phù hợp với từng vùng là rất cần thiết. Xuất phát từ yêu cầu thực tế trên, từ năm

2011 chúng tôi đã tiến hành “Nghiên cứu tuyển chọn, khảo nghiệm giống hoa đồng tiền tại miền Trung Việt Nam”.

### 2. VẬT LIỆU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### 2.1. Vật liệu nghiên cứu

Vật liệu bao gồm 20 giống hoa đồng tiền có nguồn gốc Hà Lan, bao gồm 10 giống nhập nội từ Trung Quốc, 10 giống thu thập tại Việt Nam. Tiêu chuẩn cây giống: Là cây nuôi cấy mô, có 4-5 lá, chiều cao cây 12-15 cm.

**Bảng 1. Danh sách các giống hoa đồng tiền được chọn làm vật liệu nghiên cứu**

STT	Tên giống	Ký hiệu	Nơi thu thập	STT	Tên giống	Ký hiệu	Nơi thu thập
1	T13	G1	Trung Quốc	11	Q058	G6	Tây Tựu - Hà Nội
2	R043	G2	Trung Quốc	12	G12	G7	Tây Tựu - Hà Nội
3	GP0616	G3	Trung Quốc	13	R04590	G8	Mê Linh - Hà Nội
4	P0610	G4	Trung Quốc	14	YR2	G9	Mê Linh - Hà Nội
5	YR2-4	G5	Trung Quốc	15	GX023	G13	Đông Sơn - Thanh Hóa
6	OR069	G10	Trung Quốc	16	P0623	G14	Phú Mậu - Huế
7	P067	G11	Trung Quốc	17	R1	G15	Gio Linh - Quảng Bình
8	GR064	G12	Trung Quốc	18	P053	G16	An Khê - Gia Lai
9	GP061	G18	Trung Quốc	19	G00610	G17	Phú Mậu - Huế
10	P0631	G19	Trung Quốc	20	G20	G20	Phú Mậu - Huế

#### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành từ những khảo nghiệm cơ bản đến việc triển khai thử nghiệm ngoài sản xuất theo các bước sau:

- Bước 1: Tiến hành vào năm 2011 đánh giá tập đoàn các giống hoa đồng tiền tại Quy Nhơn – Bình Định để tuyển chọn các giống hoa đồng tiền có triển vọng. Quy mô khảo nghiệm là 1.500 m<sup>2</sup>.

- Bước 2: Khảo nghiệm cơ bản các giống hoa đồng tiền có triển vọng tại 3 địa điểm là Nghệ An, Huế và Bình Định. Các khảo nghiệm được triển khai vào năm 2012, 2013 quy mô mỗi địa điểm khảo nghiệm là 3.000 m<sup>2</sup>.

- Bước 3: Tiến hành vào năm 2013, khảo nghiệm sản xuất các giống hoa đồng tiền có ưu điểm tốt đã được kết luận từ các bước trên tại

<sup>1</sup>Viện Nghiên cứu Rau quả



Nghệ An, Huế và Bình Định. Quy mô khảo nghiệm tại mỗi địa điểm là 2 ha.

Theo dõi các chỉ tiêu ngoài đồng ruộng: đánh dấu ngẫu nhiên 20 cây/1 ô thí nghiệm đối với khảo nghiệm cơ bản, 20 cây/giống đối với khảo nghiệm sản xuất, định kỳ theo dõi 10 ngày/lần. Đánh dấu cây theo dõi theo phương pháp đường chéo góc 5 điểm trên thí nghiệm đồng ruộng (Nguyễn Thị Lan, Phạm Tiến Dũng, 2005). Các chỉ tiêu sâu bệnh theo QCVN 01-38: 2010/BNNPTNT.

Các chỉ tiêu theo dõi, đo đếm và phân tích bao gồm: các chỉ tiêu sinh trưởng, phát triển như tỷ lệ hồi-xanh, tỷ lệ sống sau trồng, chiều dài cành, số lá, số nhánh, mức độ sâu bệnh...; các chỉ tiêu chất lượng hoa như số hoa/cây, đường kính cành, đường kính hoa, độ bền hoa... Xử lý số liệu bằng chương trình IRRISTAT 5.0.

Kỹ thuật áp dụng: thời vụ trồng vào tháng 9,

**Bảng 2. Tỷ lệ sống và thời gian hồi xanh, động thái tăng trưởng số lá, số nhánh của các giống hoa đồng tiền trồng tại Quy Nhơn - Bình Định – Tháng 9-2011**

Tên giống	Thời gian hồi xanh sau trồng (ngày)	Tỷ lệ cây sống sau trồng 10 ngày (%)	Thời gian theo dõi sau trồng							
			40 ngày		60 ngày		80 ngày		120 ngày	
			Số lá/cây (lá)	Số nhánh (nhánh h)	Số lá/cây (lá)	Số nhánh (nhánh h)	Số lá/cây (lá)	Số nhánh (nhánh h)	Số lá/cây (lá)	Số nhánh (nhánh)
G1	7	95	3,6	-	6,3	1	10,9	1,3	19,0	1,5
G2	6	93	3,7	-	6,3	1	11,6	1,3	18,6	1,8
G3	6	95	3,5	-	6,5	-	10,8	1,3	17,4	1,8
G4	7	91	3,5	-	7,1	-	11,8	1,0	16,6	1,8
G5	6	92	3,6	-	6,2	-	10,2	1,0	16,4	1,7
G6	7	90	3,5	-	6,6	-	11,6	1,3	18,0	1,8
G7	6	92	3,7	-	6,9	-	10,5	1,0	17,6	1,9
G8	6	90	3,6	-	7,0	-	12,3	1,0	18,5	1,8
G9	7	93	3,7	-	6,9	-	12,5	1,0	18,5	1,9
G10	7	91	3,6	-	6,2	-	10,2	1,0	16,4	1,7
G11	7	92	3,7	-	6,8	-	11,6	1,3	18,6	1,8
G12	6	92	3,8	-	7,3	1	12,8	1,3	19,4	2,0
G13	6	90	3,5	-	7,0	-	10,8	1,0	16,5	1,8
G14	7	91	3,8	-	7,3	-	12,2	1,3	15,4	1,6
G15	7	90	3,6	-	6,2	-	10,2	1,0	16,4	1,7
G16	7	90	3,8	-	6,3	1	11,6	1,3	18,6	1,8
G17	6	92	3,7	-	6,9	-	12,5	1,0	18,5	1,9
G18	6	93	3,5	-	7,0	-	10,8	1,0	17,5	1,9

kỹ thuật trồng và chăm sóc áp dụng quy trình kỹ thuật trồng hoa đồng tiền của Viện Nghiên cứu Rau quả.

Giống đối chứng sử dụng trong các khảo nghiệm là giống G20 (ĐC), giống được trồng phổ biến tại các tỉnh miền Trung, có những đặc điểm sau: Chiều dài cành 55 – 57 cm, đường kính hoa 10,5-11,2 cm, hoa kép, màu đỏ, nhị xanh.

### 3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

#### 3.1. Kết quả đánh giá tập đoàn giống hoa đồng tiền

##### 3.1.1. Khả năng sinh trưởng của các giống hoa đồng tiền

Kết quả đánh giá tình hình sinh trưởng, phát triển của các giống hoa đồng tiền phản ánh đặc điểm của giống và khả năng thích nghi của giống đó với điều kiện môi trường tại nơi trồng. Kết quả được trình bày ở bảng 2.



G19	6	94	3,6	-	7,2	-	11,2	1,0	19,5	2,3
G20	6	93	3,5	-	7,1	-	12,2	1,0	18,5	1,9
CV(%)									5,5	5,7
LSD (0,05)									1,75	0,28

Kết quả ở bảng 2 cho thấy: thời gian hồi xanh của các giống là rất sớm, biến động 6 - 7 ngày. Tỷ lệ cây sống sau trồng tương đối cao, dao động 90 - 95%.

Về khả năng tăng trưởng số lá và số nhánh: Giai đoạn đầu do cây có số lượng lá và nhánh ít nên chỉ tiêu này không có sự khác nhau rõ rệt giữa các giống, nhưng sau trồng 120 ngày đã có sự khác nhau đáng kể. Giống có số lá và số nhánh nhiều nhất là giống G19 (đạt 19,4 lá và 2,3 nhánh), G12 (đạt trung bình 19,5 lá/cây và 2,0 nhánh/cây), tiếp sau là các giống G9, G17, G18... và thấp nhất là giống G1,

G14.

### 3.1.2. Mức độ bị bệnh hại của các giống hoa đồng tiền

Khả năng chống chịu sâu, bệnh của các giống hoa đồng tiền là một chỉ tiêu rất quan trọng trong công tác tuyển chọn giống. Các giống có khả năng chống chịu sâu, bệnh hại tốt sẽ tạo điều kiện cho cây sinh trưởng, phát triển thuận lợi; năng suất cao, chất lượng tốt. Tiến hành theo dõi một số loại sâu, bệnh chính có tính chất gây hại nguy hiểm, kết quả được thể hiện ở bảng 3.

**Bảng 3. Mức độ nhiễm một số loại sâu, bệnh hại chính của các giống hoa đồng tiền trồng tại Quy Nhơn - Bình Định. Tháng 9- 2011**

Tên giống	Nhện dò (Tetranychus cinnabarinus)	Sâu vẽ bùa (Phyllocnistis citrella)	Bệnh phấn trắng (Erysiphe cichoracearum)	Bệnh đốm lá (Cercospora sp.)
G1	2	1	2	1
G2	2	1	3	2
G3	2	1	3	2
G4	2	1	2	1
G5	2	2	1	1
G6	3	2	2	1
G7	2	1	2	1
G8	2	1	2	2
G9	2	1	2	1
G10	3	2	1	1
G11	2	2	1	1
G12	2	2	2	1
G13	3	1	1	2
G14	2	1	2	1
G15	2	2	1	3
G16	2	2	2	1
G17	2	1	2	1
G18	1	1	2	2
G19	2	1	2	1
G20	2	1	2	1

Ghi chú:

\* Đối với bệnh hại: tính theo cấp bệnh từ 1 đến 9.

Cấp 0: không bị bệnh;

Cấp 1: < 1% diện tích lá;

Cấp 5: >5 - 25% diện tích lá;

Cấp 7: 25 - 50% diện tích lá;

